

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018



Tháng 04 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vương Đỗ Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Mai Xuân Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Hồng Loan	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Linh	Thành viên Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mai Xuân Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Kim Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Vương Đỗ Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Mai Xuân Sơn	Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác. Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ
Số 254 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Chạy nội Ban Tổng Giám đốc,



Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2019



Số: 295 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 04 năm 2019, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày cuối năm và đầu năm, một số khoản công nợ của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ, cụ thể:

Khoản mục	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khác	19.809.545.275	17.779.845.010
Phải trả khác	16.589.515.940	16.546.705.940

Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không thực hiện được. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và tính đầy đủ của các khoản công nợ này tại ngày đầu kỳ và cuối năm.

Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội có 2 chi nhánh hạch toán độc lập là Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội - Trung tâm PACCO (sau đây gọi tắt là "Trung tâm PACCO") và Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội - Khách sạn Việt Linh (sau đây gọi tắt là "Khách sạn Việt Linh").

- Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội không cộng hợp số liệu của Trung tâm PACCO do chi nhánh này đang hoàn tất các thủ tục giải thể.
- Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, Khách sạn Việt Linh đã gửi báo cáo tài chính năm 2018 (chưa kiểm toán) cho Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội. Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội chưa xác định được tính hiện hữu, đầy đủ, chính xác của các số dư trên bảng cân đối kế toán cũng như trách nhiệm về khoản lãi trên báo cáo kết quả kinh doanh trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 nên Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội chưa cộng hợp số liệu báo cáo tài chính của chi nhánh này.

Văn Phòng tại Tp. Hồ Chí Minh
Lầu 6, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3840 6618
Fax: (84-28) 3840 6616

Văn Phòng tại Tp. Đồng Nai
Số 79 Đ. Hà Huy Tập, P. Quyết Thắng
Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Tel: (84-251) 382 8560
Fax: (84-251) 382 8560

Văn Phòng tại Tp. Hải Phòng
Tầng 4, số 19, Đ. Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ
Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-225) 353 4655
Fax: (84-225) 353 4316

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Số dư cuối năm trên Bảng Cân đối Kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018 được tính toán dựa trên:

- Các Công ty liên kết: Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đồng Tháp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 chưa được kiểm toán. Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao không thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 nên được tính toán dựa trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 chưa được kiểm toán.

Việc xác định giá trị các khoản đầu tư của Công ty vào các đơn vị khác: được căn cứ trên các Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội và Công ty Cổ phần Đô thị Sinh thái Văn Nội chưa được kiểm toán.



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0043-2016-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2019

Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0917-2018-156-1

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG QUỲNH MAI
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: **03-10-2019**

Số chứng 6466 - - - Quận số SGT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Hồng Nhung

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		550.614.033.804	549.715.779.158
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	69.992.032.641	83.504.393.697
1. Tiền	111		39.073.673.555	31.415.906.808
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.918.359.086	52.088.486.889
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	337.400.000.000	315.025.845.443
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		337.400.000.000	315.025.845.443
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.928.487.497	80.503.408.203
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	42.612.939.192	35.326.470.789
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.253.827.291	3.902.942.812
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		759.203.551	2.584.127.264
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	10.341.206.194	12.746.807.808
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	36.952.479.744	35.202.365.070
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(14.011.618.356)	(9.279.755.421)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		20.449.881	20.449.881
IV. Hàng tồn kho	140	11	48.304.794.782	55.271.727.687
1. Hàng tồn kho	141		54.050.660.742	57.612.273.327
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.745.865.960)	(2.340.545.640)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.988.718.884	15.410.404.128
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1.034.580.865	875.289.246
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.171.342.589	3.629.250.466
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	10.782.795.430	10.905.864.416
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		578.777.543.197	593.392.366.625
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.684.889.483	12.397.221.258
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	1.326.861.998	1.326.861.998
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	16.358.027.485	11.070.359.260
II. Tài sản cố định	220		211.193.051.807	225.092.371.301
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	210.936.643.888	224.828.598.794
- Nguyên giá	222		471.782.861.007	460.162.404.796
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(260.846.217.119)	(235.333.806.002)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	256.407.919	263.772.507
- Nguyên giá	228		8.402.780.182	8.297.780.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.146.372.263)	(8.034.007.675)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	12.228.260.864	12.500.000.000
- Nguyên giá	231		12.500.000.000	12.500.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(271.739.136)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		59.394.977.929	59.461.109.693
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	16	15.282.020.390	15.208.391.080
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	44.112.957.539	44.252.718.613
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	211.956.635.235	211.731.541.365
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		124.813.647.475	124.588.507.737
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		87.180.795.360	87.180.795.360
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(37.807.600)	(37.761.732)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		66.319.727.879	72.210.123.008
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	58.296.423.226	62.725.379.870
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		15.993.474	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		627.901.373	629.451.370
4. Lợi thế thương mại	269	18	7.379.409.806	8.855.291.768
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.129.391.577.001	1.143.108.145.783

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		323.755.632.233	254.768.448.569
I. Nợ ngắn hạn	310		256.099.363.810	193.863.284.442
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	80.329.834.367	69.186.333.816
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	1.375.127.801	2.066.083.340
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	76.151.232.008	8.383.939.184
4. Phải trả người lao động	314		14.259.939.076	17.741.740.180
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	6.698.685.146	5.872.182.224
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	23	8.612.980.534	13.993.460.934
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	24	23.917.502.997	31.619.159.861
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	25	36.415.107.808	37.883.276.277
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.510.000.000	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.828.954.073	7.117.108.626
II. Nợ dài hạn	330		67.656.268.423	60.905.164.127
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	22	12.717.672.735	11.192.827.664
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	26	9.174.611.520	9.174.611.520
3. Phải trả dài hạn khác	337	24	37.608.187.752	37.449.099.593
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	1.088.625.350	3.088.625.350
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		7.067.171.066	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		805.635.944.768	888.339.697.214
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	805.635.944.768	888.339.697.214
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		769.000.000.000	769.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		769.000.000.000	769.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		659.046	659.046
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		854.394.231	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế	421		(53.382.832.286)	20.109.849.436
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		18.178.058.562	9.592.844.217
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) năm nay	421b		(71.560.890.848)	10.517.005.219
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		89.163.723.777	99.229.188.732
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.129.391.577.001	1.143.108.145.783



Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2019

Lê Văn Đạt
Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		709.750.841.254
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		29.422.129.383
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	680.328.711.871
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	30	606.832.942.981
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		73.495.768.890
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	45.476.173.097
7. Chi phí tài chính	22	32	3.631.046.291
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		155.591.196
8. Lãi từ hoạt động đầu tư vào Công ty liên kết	24		6.086.852.291
9. Chi phí bán hàng	25	33	49.634.575.059
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	55.612.974.041
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - 25 - 26}	30		16.180.198.887
12. Thu nhập khác	31	35	4.405.127.053
13. Chi phí khác	32	36	86.621.401.184
14. Lợi nhuận/ (lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(82.216.274.131)
15. Tổng lợi nhuận/ (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(66.036.075.244)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	3.935.957.468
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		7.051.177.592
18. Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(77.023.210.304)
18.1 Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế của cổ đông mẹ	61		(71.560.890.848)
18.2 Lợi nhuận/ (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(5.462.319.456)
19. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	38	(931)



Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2019

Lê Văn Đạt
Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	726.879.228.292
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(602.365.934.918)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(91.637.926.530)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(2.618.961.344)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(5.558.619.023)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	29.054.657.702
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(74.323.617.214)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.571.173.035)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.060.071.204)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(337.400.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	317.431.447.057
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	36.301.899.561
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	14.273.275.414
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ đi vay	33	72.163.918.917
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(75.632.087.386)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.746.398.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.214.566.969)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(13.512.464.590)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	83.504.393.697
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	103.534
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	69.992.032.641



Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2019

Lê Văn Đạt
Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Việt Hà, doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 495/QĐ-UB ngày 26/01/1993 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội, Quyết định số 220/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 13/07/2010 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà thành Công ty TNHH Một thành viên. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103721 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17/11/2010 và các Giấy chứng nhận thay đổi. Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 01/07/2017, vốn điều lệ của Công ty là 769.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 254 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh:

- Đại lý, môi giới, đầu giá: Đại lý buôn lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong cửa hàng chuyên doanh; Đại lý bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán buôn tổng hợp: Kinh doanh thiết bị trường học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn thực phẩm; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (trừ răng giả);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng bệnh viện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Trang trí nội thất;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm lập dự toán, tổng dự toán, và chi phí đầu tư xây dựng công trình);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh: Sản xuất mỹ phẩm;
- Điều hành tua du lịch: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic: Sản xuất bao bì từ plastic;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ: Bán lẻ đồ uống lưu thông tại chợ;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

Hoạt động chính:

- Bán buôn đồ uống: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Bán lẻ lương thực thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ: Bán lẻ đồ uống lưu thông tại chợ;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị phụ thuộc của Công ty:

Công ty có 01 đơn vị phụ thuộc: Nhà máy nước tinh khiết Opal; Địa chỉ: Số 300 Trường Chinh, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nước tinh khiết.

Danh sách các Công ty con:

1. Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội;
2. Công ty Cổ phần Tràng An;
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà;
4. Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế.

Danh sách các Công ty liên kết:

1. Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà;
2. Công ty Cổ phần Đồng Tháp;
3. Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà;
4. Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội;
5. Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao.

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 5.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20/11/2015 có hiệu lực kể từ ngày kể từ ngày 01/01/2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối năm. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo hợp nhất này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp nhất kinh doanh (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính nên Công ty đang xác định giá trị hợp lý của của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư là giá trị trên sổ sách của các Công ty con, liên kết này. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh là 10 năm.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; Đối với hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị của phần mềm máy tính. Các phần mềm này được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 đến 08 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính đến tháng 01/2064.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí quảng cáo và một số chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê đất, lợi thế kinh doanh, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa Công ty con của Công ty và các tổ đội xây dựng hạch toán phụ thuộc, không có tư cách pháp nhân.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối lợi nhuận.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	3.303.073.671	2.017.445.060
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.770.599.884	29.398.461.748
Các khoản tương đương tiền (i)	30.918.359.086	52.088.486.889
	69.992.032.641	83.504.393.697

Ghi chú:

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 03 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a1) Ngân hàng	337.400.000.000	337.400.000.000	315.025.845.443	315.025.845.443
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	337.400.000.000	337.400.000.000	315.025.845.443	315.025.845.443

Ghi chú:

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Giá gốc (i)		Giá trị ghi sổ (ii)		Số đầu năm (iii)		Cổ tức được chia trong năm		Số cuối năm (iii)	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác										
b1) Đầu tư vào công ty liên kết	114.875.600.000	123.129.081.902	123.129.081.902	124.588.507.737	5.800.312.396	5.575.172.658	124.813.647.475		124.813.647.475	
Công ty CP Giấy Ngọc Hà	5.572.000.000	7.970.798.009	7.970.798.009	7.911.652.620	885.442.341	1.116.992.658	7.680.102.303		7.680.102.303	
Công ty CP Đồng Tháp	3.540.000.000	-	-	-	-	-	-		-	
Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà	80.000.000.000	85.312.418.781	85.312.418.781	88.189.955.989	2.073.995.003	3.200.000.000	87.063.950.992		87.063.950.992	
Công ty CP Dược phẩm Hà Nội	25.163.600.000	29.245.865.112	29.245.865.112	27.886.899.128	2.935.618.282	1.258.180.000	29.564.337.410		29.564.337.410	
Công ty CP Thời trang Quốc tế Ngôi sao (iv)	600.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000	(94.743.230)	-	505.256.770		505.256.770	
		Số cuối năm				Số đầu năm				

	Giá gốc (i)		Giá trị ghi sổ (ii)		Giá gốc (i)		Giá trị ghi sổ (ii)		Dự phòng		Giá trị hợp lý	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b2) Đầu tư vào đơn vị khác												
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	63.230.500.000	87.180.795.360	87.180.795.360	(37.807.600)	63.230.500.000	87.180.795.360	(37.761.732)					
Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội	4.116.500.000	4.427.249.874	4.427.249.874	(*)	4.116.500.000	4.427.249.874	-					
Công ty CP Đô thị sinh thái Văn Nội	37.264.000.000	60.894.782.516	60.894.782.516	(*)	37.264.000.000	60.894.782.516	-					
Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam	14.000.000.000	14.008.762.970	14.008.762.970	(*)	14.000.000.000	14.008.762.970	-					
Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 3 - Việt Nam	5.100.000.000	5.100.000.000	5.100.000.000	(*)	5.100.000.000	5.100.000.000	-					
Công ty CP Bánh kẹo Tràng An 3 - Việt Nam	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	(*)	1.500.000.000	1.500.000.000	-					
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Việt Hà	1.250.000.000	1.250.000.000	1.250.000.000	(37.807.600)	1.250.000.000	1.250.000.000	(37.761.732)					
Cộng	178.106.100.000	211.994.442.835	(37.807.600)	(37.807.600)	178.106.100.000	211.769.303.097	(37.761.732)					

Ghi chú:

- (i) Giá gốc các khoản đầu tư theo số liệu trước thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần.
- (ii) Giá trị các khoản đầu tư ghi nhận trên sổ sách theo số liệu bàn giao từ Công ty TNHH Một thành viên sang Công ty Cổ phần.
- (iii) Giá trị các khoản đầu tư được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- (iv) Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao tại ngày 31/12/2018. Theo đó, Công ty thực hiện ghi nhận giá trị đầu tư Công ty liên doanh, liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu theo Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán năm 2017 của Công ty này.
- (*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tóm tắt tình hình hoạt động các công ty liên kết trong năm:

Năm 2018, các công ty liệt kê đều có lãi.

d) Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động chính
Đầu tư vào công ty con					
Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	892.500	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh các loại bánh, mứt, kẹo
Công ty Cổ phần Tráng An	Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	1.149.100	51,76%	51,76%	Sản xuất và kinh doanh các loại bánh từ bột; Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	Quận Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	1.860.390	88,59%	88,59%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Thị xã Di An, Tỉnh Bình Dương	9.215.000	68,44%	68,44%	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh
Đầu tư vào công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	Huyện Gia Lâm, Tp. Hà Nội	557.200	29,33%	29,33%	Sản xuất giấy dếp
Công ty Cổ phần Đồng Tháp	Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	354.000	25,29%	25,29%	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh	8.000.000	37,23%	37,23%	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	2.516.360	40,00%	40,00%	Sản xuất kinh doanh thuốc chữa bệnh, phòng bệnh phục vụ sức khỏe con người
Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi sao	Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	60.000	20,00%	10,20%	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dếp

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	42.612.939.192	35.326.470.789
Công ty Cổ phần Thương mại Tráng An - Việt Nam	19.214.999.111	4.366.173.638
Ông Trần Tuấn Anh	2.550.628.400	4.150.848.400
Ông Trần Mạnh Hùng	3.206.240.213	6.989.637.534
Công ty TNHH SX & TM Đại Hoàng Nam	1.277.373.145	1.277.373.145
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tráng An 2 - Việt Nam	684.107.796	1.841.105.312
Bà Hoàng Thị Xuân	182.033.000	2.102.518.830
Các đối tượng khác	15.497.557.527	14.598.813.930
Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	5.755.989	7.902.983
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	1.405.995	3.552.989
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	4.349.994	4.349.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.253.827.291	3.902.942.812
Công ty TNHH Rich Media	452.660.000	-
Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội	-	294.492.000
Các đối tượng khác	1.801.167.291	3.608.450.812
b) Trả trước cho người bán dài hạn	1.326.861.998	1.326.861.998
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	1.030.636.998	1.030.636.998
Các đối tượng khác	296.225.000	296.225.000
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	42.627.499
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	-	42.627.499

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các chủ nhiệm công trình (i)	10.341.206.194	12.746.807.808
Ông Trần Mạnh Hùng	6.226.758.516	8.466.833.130
Ông Trần Tuấn Anh	2.142.154.352	2.142.154.352
Các đối tượng khác	1.972.293.326	2.137.820.326

Ghi chú:

- (i) Là các hợp đồng ứng vốn cho các chủ nhiệm công trình tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà với thời hạn là 6 tháng (Phụ lục hợp đồng gia hạn đến thời điểm công trình quyết toán hoặc thu được tiền từ các công trình) với lãi suất là 0,6%/tháng. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà chưa hạch toán khoản lãi với giá trị ước tính là 706.006.789 VND trong năm tài chính 2018.

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	36.952.479.744	1.345.706.302	35.202.365.070	484.410.960
Tạm ứng	3.471.629.973	551.691.851	2.146.736.951	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu khác:	33.470.849.771	794.014.451	33.045.628.119	484.410.960
- Lãi tiền gửi ngân hàng	11.618.231.648	-	9.393.163.477	-
- Công ty CP Địa ốc Hà Nội (i)	17.047.784.000	-	17.047.784.000	-
- Tiền thuê đất	1.581.929.225	-	90.920.470	-
- CTCP Xây dựng và Kỹ thuật Việt Nam	-	-	5.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	3.222.904.898	794.014.451	1.513.760.172	484.410.960
b, Phải thu khác dài hạn	16.358.027.485	-	11.070.359.260	-
CTCP Thăng Long - Đông Anh (ii)	9.087.019.259	-	7.874.847.234	-
BQL Dự án Khu Đô thị Việt Hà (iii)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty CP Địa ốc Hà Nội (iv)	1.166.400.000	-	1.166.400.000	-
Ông Lâm Quốc Phương	1.585.000.000	-	-	-
Bà Phạm Thị Thơm	980.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	1.539.608.226	-	29.112.026	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Khoản Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà phải thu Công ty Cổ phần Địa ốc Hà Nội tiền sử dụng đất tại Dự án 235 Lạc Long Quân theo Kết luận số 2125/TTCP ngày 01/9/2009 tương ứng với diện tích đất của 22 căn hộ thuộc quyền sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật của Công ty này tại dự án nêu trên.
- (ii) Khoản tiền thuê đất và thuê đất trả thay cho Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh theo Hợp đồng góp vốn số 27/2009/HĐGV ngày 30/07/2009 về việc hợp tác đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng Khu hỗn hợp và nhà ở 11-13 Nguyễn Chí Thanh” và Biên bản thỏa thuận ba bên ngày 15/09/2016, Phụ lục I ngày 16/09/2016 về việc Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình trong Dự án cho Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh.
- (iii) Khoản Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà phải thu tiền hợp tác kinh doanh để đầu tư dự án Khu đô thị Việt Hà theo Quyết định liên doanh số 2011/QĐ-LĐ gồm các bên tham gia là Công ty CPĐT và XD Việt Hà, Công ty TNHH Đại Hoàng Long, Công ty CP xây dựng và Kỹ thuật Việt Nam. Theo đó nguồn kinh phí khởi điểm của dự án đầu tư là 6 tỷ VND. Tại ngày cuối năm, Công ty đã góp 2 tỷ VND.
- (iv) Khoản Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà phải thu số tiền 1.166.400.000 VND tương ứng với hạ tầng của 2 căn hộ Công ty đã chi trả cho Công ty CP Địa ốc Hà Nội theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 42/HĐ-HTĐT tháng 7/2001 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Địa ốc Hà Nội. Công ty sẽ được kinh doanh 2 căn hộ này sau khi xây dựng xong.

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Chi nhánh CTCP Bánh Mít Kẹo Hà Nội	1.762.254.649	83.336.671	-	-
Công ty TNHH SX & TM Đại Hoàng Nam	1.277.373.145	-	1.277.373.145	-
Ông Đỗ Văn Lũng	895.947.386	-	895.947.386	-
Ông Vũ Mạnh Thắng	823.312.700	-	823.312.700	-
Ông Trần Bình Dân	590.413.500	-	590.413.500	-
Ông Lê Khắc Huy	495.103.751	-	495.103.751	495.103.751
Hetman LTD	484.410.960	-	484.410.960	-
Bà Đào Hồng Thanh	468.912.632	-	468.912.632	-
Ông Nguyễn Gia Diệp	422.879.976	-	422.879.976	-
Ông Phan Quang Lễ	309.603.491	-	309.603.491	309.603.491
Các đối tượng khác	8.459.749.081	1.895.006.244	8.459.749.149	4.143.244.027
	15.989.961.271	1.978.342.915	14.227.706.690	4.947.951.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	284.695.145	-	295.134.418	-
Nguyên liệu, vật liệu	29.446.324.952	(4.840.877.303)	31.551.697.513	(1.592.152.833)
Công cụ, dụng cụ	3.880.191.229	-	3.868.617.911	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.387.079.002	-	4.732.263.219	-
Thành phẩm	14.426.454.052	(562.492.947)	12.857.396.375	(748.392.807)
Hàng hoá	4.009.776.673	-	3.686.767.089	-
Hàng gửi đi bán	616.139.689	(342.495.710)	620.396.802	-
	54.050.660.742	(5.745.865.960)	57.612.273.327	(2.340.545.640)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế có giá trị hàng tồn kho nguyên vật liệu tồn đọng là 5.400.946.345 VND; Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế đánh giá tình trạng phẩm chất của các nguyên vật liệu tồn kho ứ đọng trên và xác định vẫn còn dùng được trong quá trình sản xuất sau này.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.034.580.865	875.289.246
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	413.314.335	125.494.057
Chi phí quảng cáo	444.000.000	573.950.000
Tiền thuê nhà	119.085.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	58.181.530	175.845.189
	58.296.423.226	62.725.379.870
b) Dài hạn	4.992.926.216	6.216.156.631
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	284.801.064	349.962.597
Chi phí sửa chữa	14.411.856.022	16.107.368.494
Lợi thế kinh doanh (i)	556.916.654	584.083.322
Giá trị quyền sử dụng đất	37.750.171.522	38.733.692.696
Tiền thuê đất (ii)	299.751.748	734.116.130
Chi phí trả trước dài hạn khác		

Ghi chú:

(i) Lợi thế kinh doanh được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014.

(ii) Bao gồm:

- Tiền thuê Công ty Cổ phần Trảng An trả một lần đối với diện tích 23.327 m² đất thuê lại từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hà Tây để xây dựng nhà máy sản xuất tại lô CN6, Khu Công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội, thời hạn thuê từ ngày 01/01/2011 đến ngày 13/01/2056. Giá trị tiền thuê đất tại ngày 31/12/2018 là 26.517.816.718 VND. Lô đất này đã được thế chấp cho khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Trảng An như trình bày tại thuyết minh số 23 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.
- Tiền thuê Công ty Cổ phần Bánh Mút Kẹo Hà Nội trả một lần với diện tích 23.390 m² đất thuê lại từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hà Tây để xây dựng nhà máy sản xuất ở Lô CN5, Khu Công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội theo Hợp đồng thuê lại đất số 09/HDTLD-HT ngày 28/09/2007, thời gian thuê từ ngày 30/01/2008 đến ngày 13/01/2056. Giá trị tiền thuê đất tại ngày 31/12/2018 là 11.232.354.804 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ
Số 254 Minh Khai, phường Minh Khai,
Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ												
Số dư đầu năm	204.173.759.896	227.703.464.180	24.012.099.292	4.175.457.428	97.624.000	460.162.404.796						
Tăng do mua sắm	8.276.648.691	4.322.543.312	-	102.514.200	-	12.701.706.203						
Thanh lý nhượng bán	-	(36.363.636)	-	-	-	(36.363.636)						
Tăng khác	63.841.601	-	-	-	-	63.841.601						
Giảm khác (i)	(1.071.866.880)	-	(36.861.077)	-	-	(1.108.727.957)						
Số dư cuối năm	211.442.383.308	231.989.643.856	23.975.238.215	4.277.971.628	97.624.000	471.782.861.007						
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ												
Số dư đầu năm	56.094.148.755	158.301.677.468	17.837.713.158	3.084.445.914	15.820.707	235.333.806.002						
Khấu hao trong năm	7.522.747.322	16.409.757.606	1.963.444.673	322.270.771	9.719.208	26.227.939.580						
Thanh lý nhượng bán	-	(20.690.758)	-	-	-	(20.690.758)						
Giảm khác (i)	(694.837.705)	-	-	-	-	(694.837.705)						
Số dư cuối năm	62.922.058.372	174.690.744.316	19.801.157.831	3.406.716.685	25.539.915	260.846.217.119						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI												
Số dư đầu năm	148.079.611.141	69.401.786.712	6.174.386.134	1.091.011.514	81.803.293	224.828.598.794						
Số dư cuối năm	148.520.324.936	57.298.899.540	4.174.080.384	871.254.943	72.084.085	210.936.643.888						

Ghi chú:

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 với giá trị là 94.429.338.203 VND (tại ngày 31/12/2017 là 75.099.892.703 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đem thế chấp các khoản vay như trình bày tại thuyết minh số 25 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2018 là 113.126.389.972 VND (tại ngày 31/12/2017 là 90.024.406.071 VND).

(i) Trong năm Công ty điều chỉnh Giám nguyên giá và hao mòn lũy kế của nhà xưởng Nhà máy nước Opal Nam Định do hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31/12/2014 xác định sai điện tích nhà máy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Chương trình phần mềm VND	Chuyển giao công nghệ VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	131.551.318	1.143.231.180	5.653.054.009	1.369.943.675	8.297.780.182
Tăng do mua sắm	-	-	-	105.000.000	105.000.000
Số dư cuối năm	131.551.318	1.143.231.180	5.653.054.009	1.474.943.675	8.402.780.182
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ					
Số dư đầu năm	131.551.318	879.458.673	5.653.054.009	1.369.943.675	8.034.007.675
Khấu hao trong năm	-	-	-	112.364.588	112.364.588
Số dư cuối năm	131.551.318	879.458.673	5.653.054.009	1.482.308.263	8.146.372.263
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	-	263.772.507	-	-	263.772.507
Số dư cuối năm	-	263.772.507	-	(7.364.588)	256.407.919

Ghi chú:

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 với giá trị là 7.477.049.002 VND (tại ngày 31/12/2017 là 7.214.549.002 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	12.500.000.000	12.500.000.000
Số dư cuối năm	12.500.000.000	12.500.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	271.739.136	271.739.136
Số dư cuối năm	271.739.136	271.739.136
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	12.500.000.000	12.500.000.000
Số dư cuối năm	12.228.260.864	12.228.260.864

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Tiền thuê Công ty Cổ phần Trảng An thu được từ việc cho thuê bất động sản đầu tư (toàn bộ bất động sản đầu tư được cho thuê theo hình thức thuê hoạt động) là 750.245.455 VND. Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư trong năm là 271.739.136 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày cuối năm cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Trảng An hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày cuối năm chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty Cổ phần Trảng An sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty Cổ phần Trảng An chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Bất động sản đầu tư là giá trị 02 căn hộ tại tòa nhà Trảng An Complex Số 1, phố Phùng Chí Kiên, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

16. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án 154 Cầu Diễn	15.282.020.390	15.282.020.390	15.208.391.080	15.208.391.080
	15.282.020.390	15.282.020.390	15.208.391.080	15.208.391.080

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn thể hiện chi phí thực hiện của Dự án 154 Cầu Diễn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/HĐ/2005 ngày 01/01/2005 giữa Công ty Đầu tư Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Việt Hà) với Công ty Cổ phần Đầu tư An Lạc, theo kết quả kinh doanh: được hưởng lợi hoặc chịu rủi ro, phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ góp vốn mỗi bên 50%. Tổng toàn dự án gồm 30 căn: Công ty Cổ phần Đầu tư An Lạc chịu trách nhiệm huy động vốn 17 căn, Công ty chịu trách nhiệm huy động vốn 13 căn. Trước cổ phần hóa đã quyết toán 5 năm, năm 2015 quyết toán 5 căn tiếp theo đến nay số căn còn lại chưa bàn giao quyết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
a) Mua sắm	2.707.878.341	2.707.878.341
Máy chung cất tạo cồn thơm từ thảo mộc	2.707.878.341	2.707.878.341
b) Xây dựng cơ bản dở dang	41.405.079.198	41.544.840.272
Dự án 87 Lĩnh Nam (i)	40.057.876.364	40.000.000.000
Dự án vườn sinh thái Việt Hà	749.157.798	639.681.818
Dự án xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh	363.952.308	106.272.727
Dự án cải tạo, nâng tầng nhà Văn phòng 254 Minh Khai	-	250.385.727
Các công trình khác	234.092.728	548.500.000
	44.112.957.539	44.252.718.613

Ghi chú:

- (i) Bao gồm 40.000.000.000 VND là khoản quyền lợi Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà được hưởng khi thực hiện dự án tại số 87 phố Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014.

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày đầu năm	14.758.819.616
Tại ngày cuối năm	14.758.819.616
HAO MÒN	
Tại ngày đầu năm	5.903.527.848
Khấu hao trong năm	1.475.881.962
Tại ngày cuối năm	7.379.409.810
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	8.855.291.768
Tại ngày cuối năm	7.379.409.806

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	80.329.834.367	80.329.834.367	69.186.333.816	69.186.333.816
CTCP Bia và NGK Việt Hà	9.230.433.317	9.230.433.317	11.481.870.921	11.481.870.921
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng và Dịch vụ Thương mại T&T	7.736.524.925	7.736.524.925	-	-
CTCP Bao bì Liksin Phương Bắc	4.130.896.305	4.130.896.305	2.165.983.766	2.165.983.766
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	2.956.073.451	2.956.073.451	2.956.073.451	2.956.073.451
Công ty TNHH Đức Anh	2.910.925.739	2.910.925.739	2.581.193.248	2.581.193.248
Công ty TNHH MTV Quản lý & Phát triển Nhà Hà Nội	2.744.072.717	2.744.072.717	2.796.694.421	2.796.694.421
Công ty TNHH Quang Quân	2.655.707.149	2.655.707.149	2.012.786.627	2.012.786.627
Công ty TNHH Bao bì NM Việt Nam	2.640.728.099	2.640.728.099	916.632.925	916.632.925
Công ty TNHH Khải Minh	2.539.692.375	2.539.692.375	2.913.723.505	2.913.723.505
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Bao bì Sông Lam	2.230.284.984	2.230.284.984	1.595.519.413	1.595.519.413
CTCP Đầu tư XD & Kỹ thuật Vinaconex	1.688.862.250	1.688.862.250	1.688.862.250	1.688.862.250
Công ty TNHH Bao bì Việt Thắng	1.063.999.370	1.063.999.370	-	-
Các đối tượng khác	37.801.633.686	37.801.633.686	38.076.993.289	38.076.993.289
Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan	9.230.433.317	9.230.433.317	11.481.870.921	11.481.870.921
Công ty Cổ phần Bia và NGK Việt Hà	9.230.433.317	9.230.433.317	11.481.870.921	11.481.870.921

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.375.127.801	2.066.083.340
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	487.623.450	585.033.450
Các đối tượng khác	887.504.351	1.481.049.890
Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	487.623.450	585.033.450
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	487.623.450	585.033.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm (Trình bày lại) VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.043.950.520	11.916.325.028	11.717.254.841	2.243.020.707
Thuế tiêu thụ đặc biệt	97.369.022	812.408.745	776.657.194	133.120.573
Thuế xuất, nhập khẩu	-	33.250.765	33.250.765	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.564.417.149	3.484.997.859	5.340.854.730	1.708.560.278
Thuế thu nhập cá nhân	60.663.455	1.670.393.842	1.549.157.899	181.899.398
Thuế tài nguyên	369.120	40.520.488	37.890.560	2.999.048
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (i)	356.226.861	81.639.812.105	17.009.262.096	64.986.776.870
Các loại thuế khác	649.813.989	19.608.497	618.707.755	50.714.731
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.611.129.068	5.518.171.821	285.160.486	6.844.140.403
Cộng	8.383.939.184	105.135.489.150	37.368.196.326	76.151.232.008
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	235.852.291	7.204.976.375	7.215.294.504	246.170.420
Thuế thu nhập doanh nghiệp	450.959.609	450.959.609	217.764.293	217.764.293
Thuế thu nhập cá nhân	33.818.469	79.402.183	55.474.527	9.890.813
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.819.144.367	-	123.735.857	3.942.880.224
Các loại thuế khác	6.366.089.680	-	-	6.366.089.680
Cộng	10.905.864.416	7.735.338.167	7.612.269.181	10.782.795.430

Ghi chú:

- (i) Công văn số 12629/TB-CCT-TBTK ngày 4 tháng 9 năm 2018 của Chi Cục thuế quận Bắc Từ Liêm về việc điều chỉnh thông báo thu tiền thuê đất, theo đó Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà phải nộp tiền thuê đất tại phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm từ ngày 12/10/2006 đến ngày 31/12/2017 với số tiền là 74.564.497.590 VND.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà đã hạch toán toàn bộ số tiền truy thu tiền thuê đất nêu trên vào chi phí trong năm tài chính. Đồng thời, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà cũng đã nộp số tiền 11 tỷ VND và trích tiền phạt chậm nộp số tiền là 5.518.171.821 VND cho khoản thuế nêu trên.

Công văn số 1384/TB-CCT-TBTK ngày 4 tháng 10 năm 2018 của Chi Cục thuế quận Bắc Từ Liêm về việc nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, theo đó Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà phải nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2018 tại phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm với số tiền là 949.382.072 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
a) Ngắn hạn	6.698.685.146	5.872.182.224
Trích trước chi phí lãi vay	3.869.487.520	3.123.526.153
Trích trước tiền thuê nhà	-	1.062.403.636
Trích trước chi phí vận chuyển	98.110.407	136.870.768
Chi phí quảng cáo	222.000.000	43.200.000
Chi phí phải trả khác	2.509.087.219	1.506.181.667
	12.717.672.735	11.192.827.664
b) Dài hạn		
Chi phí trích trước các công trình (i)	12.717.672.735	11.192.827.664
Trong đó: Chi phí phải trả bên liên quan	3.833.250.000	3.083.250.000
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	3.833.250.000	3.083.250.000

Ghi chú:

(i) Chi phí trích trước các công trình tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà.

23. PHẢI TRẢ NỘI BỘ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả nội bộ ngắn hạn (i)	8.612.980.534	13.993.460.934
Ông Trần Mạnh Hùng	1.987.364.466	4.317.552.066
Ông Trần Tuấn Anh	4.145.554.129	4.511.238.505
Bà Hoàng Thị Xuân	535.105.049	2.495.604.565
Ông Võ Đức Sự	1.025.902.642	1.054.988.505
Các đối tượng khác	919.054.248	1.614.077.293

Ghi chú:

(i) Các khoản phải trả nội bộ tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà.

24. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
a) Ngắn hạn	23.917.502.997	31.619.159.861
Tài sản thừa chờ giải quyết	11.328.000	-
Các khoản trích theo lương	1.818.014.204	2.255.517.482
Phải trả về cổ phần hoá	-	6.714.222.488
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	30.000.000
Tiền sử dụng đất (i)	19.431.307.001	21.136.232.048
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.626.853.792	1.483.187.843
- Phải trả chi phí trích trước Dự án 87 Linh Nam	-	245.875.495
- Các đối tượng khác	2.626.853.792	1.237.312.348
	37.608.187.752	37.449.099.593
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.614.970.787	10.736.910.787
Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.993.216.965	26.712.188.806
- Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh (ii)	4.800.000.000	4.800.000.000
- Dự án Phú Minh	200.000.000	200.000.000
- Dự án 154 Cầu Diễn (iii)	10.421.113.406	10.421.113.406
- Dự án Khu đô thị Việt Hà (iv)	5.864.547.027	5.583.518.868
- Phải trả khách hàng góp vốn thực hiện dự án (v)	5.707.556.532	5.707.556.532

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Bao gồm 18.597.800.000 VND là khoản Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà phải nộp Ngân sách Nhà nước tiền sử dụng đất cho diện tích đất 1.555 m², vị trí số 1, tại 235 Lạc Long Quân theo Kết luận số 2125/TTCP ngày 01/9/2009 với số tiền là 24.880.000.000 VND, đến thời điểm hiện tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà đã nộp số tiền 6.282.200.000 VND, số còn phải nộp là 18.597.800.000 VND.
- (ii) Khoản Công ty góp vốn hợp tác đầu tư của Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh theo Biên bản thỏa thuận ba bên ngày 15/09/2016 và Phụ lục I ngày 16/09/2016 về việc xác định nghĩa vụ tài chính phải trả về việc hợp tác đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng Khu hỗn hợp và nhà ở 11-13 Nguyễn Chí Thanh”.
- (iii) Khoản Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư An Lạc tiền góp vốn thực hiện dự án và tiền xây thô một số căn hộ do hai bên chưa quyết toán theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư dự án Đầu tư xây dựng nhà ở để bán ở 154 Cầu Diễn.
- (iv) Như trình bày tại Thuyết minh số 9 mục (iii) phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, các bên tham gia dự án Đầu tư Khu đô thị Việt Hà đã góp 6 tỷ VND để thực hiện Dự án. Số dư tại ngày cuối năm thể hiện khoản tiền góp vốn của các bên tham gia dự án sau khi đã trừ các chi phí làm việc ban đầu liên quan đến dự án.
- (v) Khoản Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà phải trả tiền khách hàng góp vốn mua nhà dự án 154 Cầu Diễn do chưa quyết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	34.215.607.808	34.215.607.808	72.163.918.917	71.496.587.386	33.548.276.277	33.548.276.277
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long (i)	26.715.607.808	26.715.607.808	72.163.918.917	71.496.587.386	26.048.276.277	26.048.276.277
Công ty CP Bia & Nước Giải khát Việt Hà (ii)	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	2.199.500.000	2.199.500.000	2.000.000.000	4.135.500.000	4.335.000.000	4.335.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long (iii)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hoàng Mai (iv)	199.500.000	199.500.000	-	199.500.000	399.000.000	399.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	-	136.000.000	136.000.000	136.000.000
<i>Vay dài hạn</i>	1.088.625.350	1.088.625.350	-	2.000.000.000	3.088.625.350	3.088.625.350
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long (iii)	-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	1.088.625.350	1.088.625.350	-	-	1.088.625.350	1.088.625.350
<i>Trong đó: Vay các bên liên quan</i>	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000
Công ty CP Bia & Nước Giải khát Việt Hà (ii)	7.500.000.000	7.500.000.000	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000

Ghi chú:

- (i) Khoản vay của Công ty Cổ phần Tràng An với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 88/2018/HĐCVHM/NHCT140-TRANG AN ngày 15/05/2018 với hạn mức vay là 40.000.000.000 VND từ ngày 15/05/2018 đến ngày 15/05/2019, thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ, nhưng không quá 06 tháng. Mục đích cho vay để sử dụng vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các loại bánh, kẹo, ... lãi suất thay đổi theo giấy nhận nợ, điều chỉnh một tháng một lần. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản gắn liền trên đất nhà máy lô 6 KCN Thạch Thất, Quốc Oai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

- (ii) Khoản Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế được hỗ trợ vốn từ Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà theo các Hợp đồng hỗ trợ vốn số 01/HĐHT-CPVN ngày 07/10/2011, Hợp đồng số 02/HĐHT-CPVN ngày 30/11/2011, Hợp đồng số 03/HĐHT-CPVN ngày 12/12/2011, Hợp đồng số 04/HĐHT-CPVN ngày 27/12/2011. Theo biên bản thỏa thuận, Công ty cần thanh toán tiền hỗ trợ vốn và phí hỗ trợ vốn tính đến ngày 31/12/2018 cho Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà tổng số tiền là 11.333.250.000 VND bao gồm 7.500.000.000 VND tiền hỗ trợ gốc và phí hỗ trợ tính đến ngày 31/12/2014 là 3.833.250.000 VND
- (iii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Trảng An với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long Hợp đồng tín dụng số 86/2016-HDDTDDDA/NHCT 140-TRANGAN ngày 15/9/2016 với số tiền là 10.000.000.000 VND, thời hạn vay là 32 tháng và lãi suất khoản vay điều chỉnh hàng tháng. Mục đích sử dụng để tái tài trợ đối với chi phí hợp lý, hợp lệ của dự án nhà máy sx bánh kẹo Lô CN6, KCN Thạch Thất - Quốc Oai, Hà Nội. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản gắn liền trên đất trong KCN Thạch Thất, Quốc Oai, Hà Nội.
- (iv) Khoản vay của Công ty Cổ phần Trảng An với Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hoàng Mai theo Hợp đồng tín dụng số 1240LAV201300406/HĐTD ngày 31/12/2013 với số tiền là 1.950.000.000 VND, thời hạn cho vay là 60 tháng và lãi suất là 12%/năm. Mục đích sử dụng khoản vay để mua hai xe ô tô đưa đón nhân viên. Tài sản đảm bảo khoản vay là hai xe ô tô chở khách 47 chỗ hiệu K47 Transsincro 3-2 với tổng giá trị là 2.660.000.000 VND.

26. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Doanh thu chưa thực hiện dài hạn</i>	<i>9.174.611.520</i>	<i>9.174.611.520</i>
Doanh thu cho thuê nhận trước từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Thủ Đô (i)	8.590.908.720	8.590.908.720
Doanh thu chưa thực hiện khác	583.702.800	583.702.800

Ghi chú:

- (i) Là số tiền thu theo Hợp đồng thuê nhà số 178/HĐKT ngày 01/11/2007, Phụ lục Hợp đồng ngày 29/10/2010 và Phụ lục số 2 ngày 22/02/2012 và Hợp đồng thuê nhà ngày 27/4/2012 giữa Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội và Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Thủ đô về việc cho thuê toàn bộ khu nhà 36 Bát Đàn và 82 Hàng Gà trên lô đất có diện tích 294,62 m² để Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Thủ Đô sẽ cải tạo, xây dựng và nâng cấp tòa nhà thành một tòa nhà cao cấp phục vụ mục đích kinh doanh tổng hợp, cho thuê văn phòng; Thời hạn cho thuê là 40 năm tính từ ngày 01/01/2010; Giá thuê là 450 triệu VND/năm; Thanh toán tiền thuê 5 năm đầu trong vòng 30 ngày kể từ ngày căn nhà được bàn giao; Trả trước ngay một lần trong năm 2012 tiền thuê trong thời hạn 25 tiếp theo và được miễn tiền thuê trong thời hạn 10 năm sau cùng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận/ (lỗ) chưa phân phối		Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	769.000.000.000	901.755	901.755	(1.587.119.388)	51.616.411.318	(40.436.447.713)	89.295.409.188	867.889.155.160						
Hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(170.434.883)	-	-						(170.434.883)
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	10.656.561.044	-	-				9.905.001.892	20.561.562.936	
Tặng/giảm khác	-	-	-	-	-	30.879.058	-	-				28.777.652	59.656.710	
Số dư cuối năm trước	769.000.000.000	901.755	901.755	(1.587.119.388)	51.616.411.318	(29.919.442.494)	99.229.188.732	888.339.939.923						
Điều chỉnh hồi tố	-	(242.709)	(242.709)	1.587.119.388	(51.616.411.318)	50.029.291.930	-	(242.709)						
Số dư đầu năm nay (Trình bày lại)	769.000.000.000	659.046	659.046	-	-	20.109.849.436	99.229.188.732	888.339.697.214						
Hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(286.539.895)	-	-						(286.539.895)
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	(71.560.890.848)	(5.462.319.456)	(77.023.210.304)						
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	854.394.231	(1.645.250.979)	(745.175.499)	(1.536.032.247)						
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(3.857.970.000)	(3.857.970.000)						
Số dư cuối năm nay	769.000.000.000	659.046	659.046	-	854.394.231	(53.382.832.286)	89.163.723.777	805.635.944.768						

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 05 ngày 01/07/2017, vốn điều lệ của Công ty là 769.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2018, vốn điều lệ đã được góp đủ như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	392.502.000.000	392.502.000.000
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần	277.580.890.000	277.580.890.000
Các đối tượng khác	98.917.110.000	98.917.110.000
Cộng	769.000.000.000	769.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>
	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	769.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	769.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-
- Vốn góp giảm trong năm	-
- Vốn góp cuối năm	769.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
- USD	309,23	6.998,83

29. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>
	VND
a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	709.750.841.254
<u>Trong đó:</u>	
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	627.430.660.512
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	82.316.435.311
- Doanh thu khác	3.745.431
Trong đó doanh thu với các bên liên quan	9.696.681.088
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	9.664.493.867
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	19.527.288
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	12.659.933
b) Các khoản giảm trừ doanh thu	29.422.129.383
<u>Trong đó:</u>	
- Chiết khấu thương mại	22.928.610.393
- Giảm giá hàng bán	22.240.000
- Hàng bán bị trả lại	6.471.278.990
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	680.328.711.871

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u> VND
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	603.418.567.264
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.647.225.556
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(241.905.236)
Giá vốn khác	9.055.397
Cộng	<u>606.832.942.981</u>

31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.223.900.314
Cổ tức, lợi nhuận được chia	19.137.040.503
Lãi chênh lệch tỷ giá	31.660.703
Doanh thu hoạt động tài chính khác	83.571.577
Cộng	<u>45.476.173.097</u>

32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND
Chi phí lãi vay	3.364.922.711
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	45.868
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	108.530.116
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.956.400
Chi phí tài chính khác	155.591.196
Cộng	<u>3.631.046.291</u>

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	
Chi phí nhân viên	11.302.651.864
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	5.591.493.921
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.351.140.104
Chi phí khuyến mại, hoa hồng, quảng cáo tiếp thị	12.919.282.515
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.961.502.388
Chi phí khác bằng tiền	12.508.504.267
Cộng	<u>49.634.575.059</u>
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	
Chi phí nhân viên	27.961.602.589
Chi phí vật liệu quản lý	96.829.654
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.471.515.766
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.948.623.391
Thuế, phí và lệ phí	804.737.744
Dự phòng phải thu	4.731.862.935
Lợi thế thương mại	1.475.881.962
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.231.469.225
Chi phí bằng tiền khác	10.890.450.775
Cộng	<u>55.612.974.041</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>
	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	220.553.760.722
Chi phí nhân công	99.723.242.859
Chi phí dự phòng	8.112.007.792
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.570.862.117
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.368.104.434
Chi phí khác bằng tiền	40.644.586.332
Cộng	<u>491.972.564.256</u>

35. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>
	<u>VND</u>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	27.272.727
Thanh lý Công cụ dụng cụ	397.818.181
Tiền thuê đất tại địa chỉ 3B Chả cá	3.393.095.770
Điều chỉnh xác định giá trị doanh nghiệp	153.796.000
Thu nhập khác	433.144.375
Cộng	<u>4.405.127.053</u>

36. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>
	<u>VND</u>
Truy thu tiền thuê đất (i)	74.564.497.590
Tiền thuê đất và sử dụng đất phi nông nghiệp	2.116.482.267
Tiền thuê đất 96 Hàng Trống bổ sung	1.131.349.905
Các khoản bị phạt	5.518.326.665
Khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất kinh doanh	1.623.255.030
Phân bổ CCDC không tham gia sản xuất kinh doanh	92.569.339
Chênh lệch đánh giá lại tài sản (ii)	538.613.107
Chi phí khác	1.036.307.281
Cộng	<u>86.621.401.184</u>

Ghi chú:

- (i) Công văn số 12629/TB-CCT-TBTK ngày 4 tháng 9 năm 2018 của Chi Cục thuế quận Bắc Từ Liêm về việc điều chỉnh thông báo thu tiền thuê đất, theo đó Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà phải nộp tiền thuê đất tại phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm từ ngày 12/10/2006 đến ngày 31/12/2017 với số tiền là 74.564.497.590 VND.
- (ii) Điều chỉnh giá trị còn lại của nhà xưởng Nhà máy nước Opal Nam Định - đơn vị phụ thuộc của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà do hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31/12/2014 xác định sai diện tích nhà máy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.935.957.468
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>3.935.957.468</u>

38. LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>
Lợi nhuận/ (lỗ) kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	(71.560.890.848)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	(71.560.890.848)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	76.900.000
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(931)
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000

39. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Kết luận số 1723/KL-STNMT ngày 24/08/2017 thì Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà có trách nhiệm thanh lý, chấm dứt hợp đồng cho thuê với 31 doanh nghiệp, cá nhân và 21 hộ gia đình của cán bộ công nhân viên và giao Cục thuế Hà Nội kiểm tra, truy thu tiền thuê đất và thuế sử dụng đất với diện tích đất 153.206,4 m² mà Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà đang quản lý tại phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà đã thực hiện Thông báo chấm dứt hợp đồng thuê, yêu cầu di dời, gửi Biên bản thanh lý hợp đồng và không thu tiền thuê từ ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, hiện nay mới có 3 doanh nghiệp di dời và ký Biên bản thanh lý, các doanh nghiệp và hộ gia đình còn lại gồm: 8 doanh nghiệp còn thời hạn thuê, 20 doanh nghiệp và 21 hộ gia đình của cán bộ công nhân viên hết thời hạn thuê vẫn chưa di dời và không ký Biên bản thanh lý hợp đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà đang làm việc với các doanh nghiệp còn thời hạn thuê hợp đồng để có phương án đền bù phù hợp và di dời khỏi diện tích đất nêu trên.

40. THÔNG TIN KHÁC

Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Việt Hà - Công ty con cho thấy Công ty con đang gặp khó khăn về thanh toán các khoản nợ đến hạn. Người đại diện phần vốn tại Công ty mẹ đã có Văn bản trình UBND thành phố Hà Nội và Sở Tài chính Hà Nội xin ý kiến biểu quyết tại Hội đồng Quản trị Công ty về việc chấp nhận cho Công ty con được vay các tổ chức, cá nhân bên ngoài số tiền 70 tỷ VND với thời hạn 6-8 tháng để hoàn thành nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước. Ngày 8/4/2019, Sở Tài chính Hà Nội đã có Công văn số 2224/STC-TCĐN thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo UBND thành phố Hà Nội và Công văn của Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty về việc tham gia họp, biểu quyết liên quan đến khoản tiền đề xuất vay cũng như nguồn trả nợ vay của Công ty con, Theo công văn này, Sở Tài chính có ý kiến (1) Công ty con được quyền huy động vốn và có nghĩa vụ tài chính với Ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật; (2) việc tham gia ý kiến, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty con, người đại diện phần vốn của Công ty mẹ trong công ty con xin ý kiến Công ty mẹ để chỉ đạo theo thẩm quyền; Đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ có trách nhiệm báo cáo xin ý kiến UBND thành phố trước khi biểu quyết; (3) Công ty mẹ rà soát, phân tích phương án tăng vốn điều lệ để đảm bảo quyền lợi của cổ đông của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo hợp nhất này, Công ty con chưa có bất kỳ phương án vay và trả nợ vay nào. Điều này cho thấy các dấu hiệu ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

41. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Các khoản vay	37.503.733.158	40.971.901.627
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(69.992.032.641)	(83.504.393.697)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	805.635.944.768	888.339.697.214
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,0%	0,0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.992.032.641	83.504.393.697
Phải thu khách hàng và phải thu khác	55.310.554.515	49.873.882.436
Đầu tư tài chính ngắn hạn	337.400.000.000	315.025.845.443
Đầu tư tài chính dài hạn	211.956.635.235	211.731.541.365
Tổng cộng	674.659.222.391	660.135.662.941
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	37.503.733.158	40.971.901.627
Phải trả người bán và phải trả khác	140.037.510.912	129.284.853.300
Chi phí phải trả	19.416.357.881	17.065.009.888
Tổng cộng	196.957.601.951	187.321.764.815

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

41. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

41. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.992.032.641	-	69.992.032.641
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.952.527.030	16.358.027.485	55.310.554.515
Đầu tư tài chính ngắn hạn	337.400.000.000	-	337.400.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	211.956.635.235	211.956.635.235
Tổng cộng	446.344.559.671	228.314.662.720	674.659.222.391
Số cuối năm			
Các khoản vay	36.415.107.808	1.088.625.350	37.503.733.158
Phải trả người bán và phải trả khác	102.429.323.160	37.608.187.752	140.037.510.912
Chi phí phải trả	6.698.685.146	12.717.672.735	19.416.357.881
Tổng cộng	145.543.116.114	51.414.485.837	196.957.601.951
Chênh lệch thanh khoản thuần	300.801.443.557	176.900.176.883	477.701.620.440
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số đầu năm (Trình bày lại)			
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.504.393.697	-	83.504.393.697
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.803.523.176	11.070.359.260	49.873.882.436
Đầu tư tài chính ngắn hạn	315.025.845.443	-	315.025.845.443
Đầu tư tài chính dài hạn	-	211.731.541.365	211.731.541.365
Tổng cộng	437.333.762.316	222.801.900.625	660.135.662.941
Số đầu năm (Trình bày lại)			
Các khoản vay	37.883.276.277	3.088.625.350	40.971.901.627
Phải trả người bán và phải trả khác	91.835.753.707	37.449.099.593	129.284.853.300
Chi phí phải trả	5.872.182.224	11.192.827.664	17.065.009.888
Tổng cộng	135.591.212.208	51.730.552.607	187.321.764.815
Chênh lệch thanh khoản thuần	301.742.550.108	171.071.348.018	472.813.898.126

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm ngày 31/12/2018 ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

42. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	Cổ đông chiếm 51,04% vốn điều lệ
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần	Cổ đông chiếm 36,10% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đồng Tháp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi Sao	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Ngoài giao dịch với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 28 - Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND
Mua Hàng	260.121.956.467
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	260.121.956.467
Chi phí lãi vay	750.000.000
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	750.000.000
Cổ tức	5.575.172.658
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	1.116.992.658
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	3.200.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	1.258.180.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

Ngoài số dư với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 6 - Phải thu của khách hàng, Thuyết minh số 7 - Trả trước cho người bán, Thuyết Minh số 9 - Phải thu khác, Thuyết minh số 19 - Phải trả người bán, Thuyết minh số 20 - Người mua trả tiền trước, Thuyết minh số 22 - Chi phí phải trả và Thuyết minh số 25 - Vay và nợ thuê tài chính, Thuyết minh số 29 - Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Công ty không còn số dư với các bên liên quan.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	3.238.733.394
	3.238.733.394

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

43. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/7/2017 đến ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán. Do Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 01/7/2017 nên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất không có số liệu so sánh do không tương ứng về kỳ hoạt động. Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2018 đã được trình bày lại do điều chỉnh của cơ quan thuế sau cổ phần hóa, cụ thể:

	Mã số	Số đã báo cáo	Trình bày lại	Số sau trình bày lại
		VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán				
Phải thu ngắn hạn khác	136	75.199.222.178	(39.996.857.108)	35.202.365.070
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.301.382.040	5.604.482.376	10.905.864.416
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.252.718.613	40.000.000.000	44.252.718.613
Chi phí trả trước dài hạn	261	62.675.000.936	50.378.934	62.725.379.870
Nguồn vốn				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	8.340.033.832	43.905.352	8.383.939.184
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	6.362.626.385	(490.444.161)	5.872.182.224
Phải trả ngắn hạn khác	319	25.124.973.300	6.494.186.561	31.619.159.861
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	7.506.509.467	(389.400.841)	7.117.108.626
Thặng dư vốn cổ phần	412	901.755	(242.709)	659.046
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	(1.587.119.388)	1.587.119.388	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	51.616.411.318	(51.616.411.318)	-
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(40.436.447.713)	50.029.291.930	9.592.844.217



Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2019

Lê Văn Đạt
Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình
Người lập

